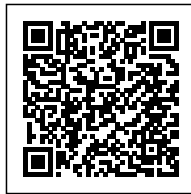


TỨ DIỆU ĐỂ VÀ CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT



"Này các tỳ kheo, bởi vì không thông hiểu, không thấu đạt Bốn Sự Thật Cao Quý (Tứ Diệu Đế) mà ta cũng như quý vị từ lâu đã phải trải qua nhiều kiếp luân hồi trong vòng sinh tử. Bốn sự thật ấy là gì?

Vì không thông hiểu Sự Thật về Khổ (Khổ Đế) mà chúng ta luân hồi, không thông hiểu Sự Thật về Nguồn Gốc của Khổ (Tập Đế), không thông hiểu về Sự Thật về Đoạn Diệt Khổ (Diệt Đế), không thông hiểu Sự Thật về Con Đường Diệt Khổ (Đạo Đế), mà chúng ta đã phải luân hồi trong vòng sinh tử.

Bằng cách thông hiểu, bằng cách thấu đạt Sự Thật về Khổ, Sự Thật về Nguồn Gốc của Khổ, Sự Thật về Đoạn Diệt Khổ, Sự Thật về Con Đường Diệt Khổ, lòng tham thủ

về sinh hữu được đoạn tận, sự hỗ trợ để sinh hữu được phá hủy, và từ đó không còn phải tái sinh nữa."

Viết dịch: **Binh Anson**

Sau đó, Đức Thế Tôn bảo các vị tỳ kheo: "Này các tỳ kheo, bởi vì không thông hiểu, không thấu đạt Bốn Sự Thật Cao Quý (Tứ Diệu Đế) mà ta cũng như quý vị từ lâu đã phải trải qua nhiều kiếp luân hồi trong vòng sinh tử. Bốn sự thật ấy là gì?"

Vì không thông hiểu Sự Thật về Khổ (Khổ Đế) mà chúng ta luân hồi, không thông hiểu Sự Thật về Nguồn Gốc của Khổ (Tập Đế), không thông hiểu về Sự Thật về Đoạn Diệt Khổ (Diệt Đế), không thông hiểu Sự Thật về Con Đường Diệt Khổ (Đạo Đế), mà chúng ta đã phải luân hồi trong vòng sinh tử.

Bằng cách thông hiểu, bằng cách thấu đạt Sự Thật về Khổ, Sự Thật về Nguồn Gốc của Khổ, Sự Thật về Đoạn Diệt Khổ, Sự Thật về Con Đường Diệt Khổ, lòng tham thủ về sinh hữu được đoạn tận, sự hỗ trợ để sinh hữu được phá hủy, và từ đó không còn phải tái sinh nữa." (Đại kinh Bát Niết bàn, Trường Bộ, 16)

Đức Phật giảng về sự Giác Ngộ của Ngài:

"Tri kiến phát sinh, minh sát phát sinh, tuệ giác phát sinh, hiểu biết phát sinh, minh kiến phát sinh trong ta, về những điều mà từ trước ta chưa từng nghe đến:

Đây là Sự Thật Tuyệt Đối về Khổ ... Khổ này phải được thông hiểu ... Khổ này vừa được thông hiểu.

Đây là Sự Thật Tuyệt Đối về Nguồn Gốc của Khổ ... Nguồn Gốc này phải được đoạn tận ... Nguồn Gốc này vừa được đoạn tận.

Đây là Sự Thật Tuyệt Đối về Sự Diệt Khổ ... Diệt Khổ này phải được trực nghiệm ... Diệt Khổ này vừa được trực nghiệm.

Đây là Sự Thật Tuyệt Đối về Con Đường Diệt Khổ ... Con Đường này phải được thực chứng ... Con Đường này vừa được thực chứng.

Này các vị tỳ kheo, khi nào mà sự hiểu biết và nhận thức này của ta -- với ba vòng chuyển và mười hai kết hợp về bốn Sự Thật Tuyệt Đối đó -- không tinh thuần, ta không thể khẳng định rằng ta là Bậc Chính Đẳng Chính Giác, vượt hơn tất cả mọi loài trong vũ trụ, chư thiên, ma quỷ, phàm phu, tu sĩ, vua chúa và thường dân.

Tuy nhiên, ngay khi sự hiểu biết và nhận thức này của ta -- với ba vòng chuyển và mười hai kết hợp về bốn Sự Thật Tuyệt Đối đó -- hoàn toàn thật sự tinh thuần, ta đã khẳng định rằng ta là Bậc Chính Đẳng Chính Giác, vượt hơn tất cả mọi loài trong vũ trụ, chư thiên, ma quỷ, phàm phu, tu sĩ, vua chúa và thường dân. Tuệ giác và tri kiến phát khởi trong ta: Sự Giải Thoát đã xảy ra. Đây là kiếp sống cuối cùng. Không còn phải tái sinh nữa." (Kinh Chuyển Pháp Luân, Tương Ưng, 56.11).



Tứ diệu đế được Đức Phật giảng lần đầu tiên cho năm anh em ông Kiều Trần Như ngay sau khi Ngài thành đạo.

1. Diệu Đế về Khổ - Dukkha Ariya Sacca

Định nghĩa: "Này các vị tỳ kheo, đây là Diệu Đế về Khổ: Sinh là khổ, già là khổ, chết là khổ; liên kết với những điều không ưa thích là khổ, cách ly những điều ưa thích là khổ; không đạt được những gì mong muốn là khổ; tóm lại, cả năm uẩn (*) để tham thủ là khổ" (Kinh Chuyển Pháp Luân, Tương Ưng, 56.11)

(*) Năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Sáu căn: "Và thế nào là Diệu Đế về Khổ? Câu trả lời phải là sáu căn đều khổ. Sáu căn đó là gì? Là căn của mắt (nhãn căn), căn của tai (nhĩ căn), căn của mũi (tỷ căn), căn của lưỡi (thiệt căn), căn của thân (thân căn), và căn của ý (ý căn). Đây là Sự Thật Cao Quý về Khổ." (Tương Ưng, 56.14)

Khổ như lửa cháy: "Tất cả đều là lửa cháy. Cái gì là lửa cháy?

-- Mắt là lửa cháy. Hình sắc là lửa cháy. Nhận thức từ mắt là lửa cháy. Tiếp cận qua mắt là lửa cháy. Những gì sinh khởi tùy thuộc vào sự tiếp cận qua mắt, cảm giác như là khoái lạc, đau đớn, hoặc không lạc không đau, đều đang thiêu cháy. Thiêu cháy với gì? Thiêu cháy với ngọn lửa tham, lửa sân, và lửa si. Ta nói với quý vị rằng tất cả đều đang thiêu cháy với sinh, già, chết, ưu sầu, than khóc, đau đớn, buồn rầu, và tuyệt vọng.

-- Tai là lửa cháy. Âm thanh là lửa cháy. Nhận thức từ tai là lửa cháy. Tiếp cận qua tai là lửa cháy. Những gì sinh khởi tùy thuộc vào sự tiếp cận qua tai, cảm giác như là khoái lạc, đau đớn, hoặc không lạc không đau, đều đang thiêu cháy. Thiêu cháy với gì? Thiêu cháy với ngọn lửa tham, lửa sân, và lửa si. Ta nói với quý vị rằng tất cả đều đang thiêu cháy với sinh, già, chết, ưu sầu, than khóc, đau đớn, buồn rầu, và tuyệt vọng.

-- Mũi là lửa cháy. Mùi hương là lửa cháy. Nhận thức từ mũi là lửa cháy. Tiếp cận qua mũi là lửa

cháy. Những gì sinh khởi tùy thuộc vào sự tiếp cận qua mũi, cảm giác như là khoái lạc, đau đớn, hoặc không lạc không đau, đều đang thiêu cháy. Thiêu cháy với gì? Thiêu cháy với ngọn lửa tham, lửa sân, và lửa si. Ta nói với quý vị rằng tất cả đều đang thiêu cháy với sinh, già, chết, ưu sầu, than khóc, đau đớn, buồn rầu, và tuyệt vọng.

-- Lưỡi là lửa cháy. Vị nếm là lửa cháy. Nhận thức từ lưỡi là lửa cháy. Tiếp cận qua lưỡi là lửa cháy. Những gì sinh khởi tùy thuộc vào sự tiếp cận qua lưỡi, cảm giác như là khoái lạc, đau đớn, hoặc không lạc không đau, đều đang thiêu cháy. Thiêu cháy với gì? Thiêu cháy với ngọn lửa tham, lửa sân, và lửa si. Ta nói với quý vị rằng tất cả đều đang thiêu cháy với sinh, già, chết, ưu sầu, than khóc, đau đớn, buồn rầu, và tuyệt vọng.

-- Thân là lửa cháy. Vật xúc chạm là lửa cháy. Nhận thức từ thân là lửa cháy. Tiếp cận qua thân là lửa cháy. Những gì sinh khởi tùy thuộc vào sự tiếp cận qua thân, cảm giác như là khoái lạc, đau đớn, hoặc không lạc không đau, đều đang thiêu cháy. Thiêu cháy với gì? Thiêu cháy với ngọn lửa tham, lửa sân, và lửa si. Ta nói với quý vị rằng tất cả đều đang thiêu cháy với sinh, già, chết, ưu sầu, than khóc, đau đớn, buồn rầu, và tuyệt vọng.

-- Ý là lửa cháy. Tư tưởng là lửa cháy. Nhận thức từ ý là lửa cháy. Tiếp cận qua ý là lửa cháy. Những gì sinh khởi tùy thuộc vào sự tiếp cận qua ý, cảm giác như là khoái lạc, đau đớn, hoặc không lạc không đau, đều đang thiêu cháy. Thiêu cháy với gì? Thiêu cháy với ngọn lửa tham, lửa sân, và lửa si. Ta nói với quý vị rằng tất cả đều đang thiêu cháy với sinh, già, chết, ưu sầu, than khóc, đau đớn, buồn rầu, và tuyệt vọng." (Tương Ưng, 35.28)

2. Diệu Đế về Nguồn Gốc của Khổ - Dukkha Samudaya Ariya Sacca

"Này các vị tỳ kheo, đây là Diệu Đế về nguồn gốc của Khổ: lòng tham thủ làm cho sinh hữu -- kèm theo với ham muốn và ưa thích, thêm vào chỗ này chỗ kia, nghĩa là tham thủ các dục lạc, tham thủ thường sinh, tham thủ đoạn sinh." (Kinh Chuyển Pháp Luân, Tương Ưng, 56.11)

Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng
Sầu khổ sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

Ai sống trong đời này
Ái dục được hàng phục
Sầu rơi khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen. (Pháp Cú, 335-336)

Như cây bị chặt đứt,
Gốc chưa hại vẫn bền
Ái tùy miên chưa nhổ,
Khổ này vẫn sinh hoài. (Pháp Cú, 338)



3. Diệ̣u Đ̣ể về Ṣự Diệt Kḥổ - Dukkha Nirodha Ariya Sacca

"Này các vị tỳ kheo, đây là Diệ̣u Đ̣ể về Diệt Kḥổ: sự tàn lụn và ngưng không còn tàn dư, sự xuất ly, sự từ bỏ, sự giải phóng, và sự buông bỏ lòng tham thủ". (Tương Ưng, 56.11)

Tháo gỡ các nguyên nhân về khổ:

Ta bảo với các vị tỳ kheo, việc chấm dứt các lậu hoặc không thể nào có được nơi những người không thấy và không biết. Thấy gì và biết gì?

Đây là sắc, đây là nhân của nó, đây là sự tan biến của nó. Đây là cảm thọ, đây là nhân của nó, đây là sự tan biến của nó. Đây là tưởng, đây là nhân của nó, đây là sự tan biến của nó. Đây là hành, đây là nhân của nó, đây là sự tan biến của nó. Đây là thức, đây là nhân của nó, đây là sự tan biến của nó. Việc chấm dứt các lậu hoặc chỉ có thể xảy ra nơi những người thấy và biết như thế.

Tuệ về sự đoạn diệt khi đoạn diệt hiện hữu là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là sự giải thoát.

-- Giải thoát là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là sự lạnh nhạt.

-- Sự lạnh nhạt là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là sự chán chường.

-- Chán chường là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là tri kiến về bản chất của sự vật.

-- Tri kiến về bản chất của sự vật là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là tâm định tĩnh.

-- Tâm định tĩnh là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là lạc.

-- Lạc là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là khinh an.

-- Khinh an là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là hỷ.

-- Hỷ là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là hân hoan.

-- Hân hoan là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là tín tâm.

-- Tín tâm là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là khổ.

-- Khổ là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là tái sinh.

-- Tái sinh là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là hữu.

-- Hữu là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là thủ.

-- Thủ là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là tham muốn.

-- Tham muốn là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là thọ.

-- Thọ là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là tiếp xúc.

-- Tiếp xúc là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là sáu xứ (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý).

-- Sáu xứ là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là danh sắc.

-- Danh sắc là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là thức.

-- Thức là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là nghiệp hành.

-- Nghiệp hành là do duyên sinh. Nó không thể xảy ra nếu không do duyên sinh. Duyên sinh của nó là gì? Đó là vô minh.

Cũng như khi chư thiên làm mưa sấm, trút nước vào vùng núi cao, nước này chảy xuống theo triền dốc, làm đầy các khe núi, hang động. Khi các khe và hang động đầy tràn, nước sẽ chảy xuống các hồ nhỏ. Khi các hồ nhỏ đầy tràn, nước sẽ chảy xuống các hồ lớn. Khi các hồ lớn đầy tràn, nước sẽ chảy xuống các dòng suối. Khi các dòng suối đầy tràn, nước sẽ chảy xuống các sông lớn. Khi các sông lớn đầy tràn, nước sẽ chảy ra đại dương. Cùng thế ấy:

Hành có vô minh là duyên,

Thức có hành là duyên

Danh sắc có thức là duyên

Sáu xứ có danh sắc là duyên,

Tiếp xúc có sáu xứ là duyên,

Thọ có tiếp xúc là duyên,

Tham muốn có thọ là duyên,

Chấp thủ có tham muốn là duyên,

Hữu có chấp thủ là duyên,

Sinh có hữu là duyên,

Hoạn khổ có sinh là duyên,

Tín tâm có hoạn khổ là duyên,

Hân hoan có tín tâm là duyên,

H có hân hoan là duyên,

Khinh an có h là duyên,

Lạc có khinh an là duyên,

Tâm định tĩnh có lạc là duyên,

Tri kiến về bản chất của sự vật có tâm định tĩnh là duyên,

Chán chường có tri kiến về bản chất của sự vật là duyên,

Lạnh nhạt có chán chường là duyên,

Giải thoát có lạnh nhạt là duyên,

Tuệ đoạn diệt có giải thoát là duyên." (Tương Ưng, 12.23)

Lý Duyên Sinh:

"Phương cách cao quý nào cần phải được nhận thấy đúng đắn và phân biệt rõ ràng bằng trí tuệ? Đây là lúc một người đệ tử cao sang quán xét được rằng:

Khi cái này hiện hữu thì cái kia hiện hữu

Từ việc khởi sinh cái này thì có khởi sinh cái kia.

Khi cái này không hiện hữu thì cái kia không hiện hữu,

Từ việc đoạn diệt cái này thì có đoạn diệt cái kia."

Nói cách khác:

"Vô minh là duyên của hành,
Hành là duyên của thức,
Thức là duyên của danh sắc,
Danh sắc là duyên của sáu xứ,
Sáu xứ là duyên của tiếp xúc,
Tiếp xúc là duyên của thọ,
Thọ là duyên của tham,
Tham là duyên của chấp thủ,
Chấp thủ là duyên của hữu,
Hữu là duyên của sinh,

Sinh là duyên của già, chết, ưu sầu, than khóc, đau đớn, buồn rầu, và tuyệt vọng
Đó là nguồn gốc rốt ráo của hoạn khổ.

Giờ đây, chấm dứt và đoạn diệt vô minh, đưa đến đoạn diệt hành.

Đoạn diệt hành đưa đến đoạn diệt thức,
Đoạn diệt thức đưa đến đoạn diệt danh sắc,
Đoạn diệt danh sắc đưa đến đoạn diệt sáu xứ,
Đoạn diệt sáu xứ đưa đến đoạn diệt tiếp xúc,

Đoạn diệt tiếp xúc đưa đến đoạn diệt cảm thọ,
Đoạn diệt cảm thọ đưa đến đoạn diệt tham muốn,
Đoạn diệt tham muốn đưa đến đoạn diệt chấp thủ,
Đoạn diệt chấp thủ đưa đến đoạn diệt hữu,

Đoạn diệt hữu đưa đến đoạn diệt sinh

Đoạn diệt sinh đưa đến đoạn diệt già, chết, ưu sầu, than khóc, đau đớn, buồn rầu, và tuyệt vọng.

Đó là sự chấm dứt rốt ráo các hoạn khổ.

Đây là phương cách cao quý cần phải được nhận thấy đúng đắn và phân biệt rõ ràng bằng trí tuệ". (Tăng Chi, 10.92)

4. Diệu Đế về Con Đường Diệt Khổ - Dukkha Nirodha Gamini Patipada Ariya Sacca

Bát Chính Đạo: "*Này các vị tỳ kheo, đây là Diệu Đế về Con Đường Diệt Khổ, đó chính là Con Đường Tám Chính (Bát Chính Đạo): Chính Kiến, Chính Tư Duy, Chính Ngữ, Chính Nghiệp, Chính Mạng, Chính Tinh Tấn, Chính Niệm, Chính Định.*" (Kinh Chuyển Pháp Luân, Tương Ưng, 56.11)

Bát Chính Đạo là Pháp Thừa (Dhammayana): "*Này Ananda, Con Đường Tám Chính này là đồng nghĩa với cỗ xe tối thượng, là cỗ xe Pháp, là sự chiến thắng vô thượng trong mọi chiến trận*

nhiếp phục tham, sân, si." (Tương Ưng, 45.4)

Định nghĩa về tám chi phần:

"Này các vị tỳ kheo, thế nào là chính tri kiến? Đó là sự thông hiểu về khổ, sự thông hiểu về nguyên nhân của khổ, sự thông hiểu về sự diệt khổ, và sự thông hiểu về con đường diệt khổ.

Thế nào là chính tư duy? Đó là tư duy về sự xuất ly, tư duy về vô sân, tư duy về vô hại.

Thế nào là chính ngữ? Đó là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm.

Thế nào chính nghiệp? Đó là từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ hành động tà dâm.

Thế nào là chính mạng? Đó là đoạn trừ tà mạng, nuôi sống với chính mạng.

Thế nào là chính tinh tấn? Đó là tinh tấn ngăn chặn không cho khởi sinh các bất thiện pháp chưa sinh, tinh tấn trừ diệt các bất thiện pháp đã sinh, tinh tấn phát khởi các thiện pháp chưa sinh, và tinh tấn duy trì các thiện pháp đã sinh.

Thế nào là chính niệm? Đó là sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, niệm, điều phục mọi tham ưu trên đời; sống quán thọ trên thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, niệm, điều phục mọi tham ưu trên đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, niệm, điều phục mọi tham ưu trên đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, niệm, điều phục mọi tham ưu trên đời.

Thế nào là chính định?

Đó là ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền-na thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sinh, có tầm, có tứ; rồi làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú vào Thiền-na thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sinh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm; rồi ly hỷ trú xả, chính niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú vào Thiền-na thứ ba; rồi xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú vào Thiền-na thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh." (Tương Ưng, 45.8)



Tìm lại Con Đường Cổ Xa Xưa:

Có một người đang đi theo một con đường mòn trong rừng. Đột nhiên người ấy tìm ra được một con đường cũ xa xưa mà các vị tiên nhân thường dùng. Người ấy liền đi theo con đường ấy. Sau đó, người ấy tìm lại được thành phố cổ xưa mà ngày trước đã có nhiều người trú ngụ, với các công viên, vườn cây, hồ ao, đền đài tráng lệ. Người ấy trở về, báo cáo với vua và các quan đại thần:

"Thưa bệ hạ, khi thần dân đi theo con đường mòn trong rừng, thần dân đã tìm lại được một con đường cũ xa xưa. Thần dân liền đi theo con đường ấy. Sau đó, thần dân tìm lại được thành phố cổ xưa mà ngày trước đã có nhiều người trú ngụ, với các công viên, vườn cây, hồ ao, đền đài tráng lệ. Kính xin bệ hạ hãy trùng tu lại thành phố ấy." Sau đó, nhà vua và các quan đại thần quyết định trùng tu thành phố cổ đó, và về sau, thành phố này trở nên phồn thịnh, đông dân cư, phát triển lớn mạnh và giàu có.

Cùng thế ấy, ta đã tìm lại con đường cũ xa xưa, một con đường mà các Bậc Chính Đẳng Chính Giác đều đi qua trong các thời kỳ trước. Con đường cũ xa xưa đó là gì? Đó là Con Đường Tám Chính: Chính Kiến, Chính Tư Duy, Chính Ngữ, Chính Nghiệp, Chính Mạng, Chính Tinh Tấn, Chính Niệm, Chính Định. Ta đã đi theo con đường ấy.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về già và chết, tri kiến về nguyên nhân của già và chết, tri kiến về đoạn diệt già và chết, tri kiến về con đường đoạn diệt già và chết.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về sinh, tri kiến về nguyên nhân của sinh, tri kiến về đoạn diệt sinh, tri kiến về con đường đoạn diệt sinh.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về hữu, tri kiến về nguyên nhân của hữu, tri kiến về đoạn diệt hữu, tri kiến về con đường đoạn diệt hữu.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về chấp thủ, tri kiến về nguyên nhân của chấp thủ, tri kiến về đoạn diệt chấp thủ, tri kiến về con đường đoạn diệt chấp thủ.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về tham muốn, tri kiến về nguyên nhân của tham muốn, tri kiến về đoạn diệt tham muốn, tri kiến về con đường đoạn diệt tham muốn.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về thọ, tri kiến về nguyên nhân của thọ, tri kiến về đoạn diệt thọ, tri kiến về con đường đoạn diệt thọ.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về tiếp xúc, tri kiến về nguyên nhân của tiếp xúc, tri kiến về đoạn diệt tiếp xúc, tri kiến về con đường đoạn diệt tiếp xúc.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về sáu xứ, tri kiến về nguyên nhân của sáu xứ, tri kiến về đoạn diệt sáu xứ, tri kiến về con đường đoạn diệt sáu xứ.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về danh sắc, tri kiến về nguyên nhân của danh sắc, tri kiến về đoạn diệt danh sắc, tri kiến về con đường đoạn diệt danh sắc.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về thức, tri kiến về nguyên nhân của thức, tri kiến về đoạn diệt thức, tri kiến về con đường đoạn diệt thức.

Theo con đường đó, ta đã có được tri kiến về nghiệp hành, tri kiến về nguyên nhân của nghiệp hành, tri kiến về đoạn diệt nghiệp hành, tri kiến về con đường đoạn diệt nghiệp hành.

Tri kiến được như thế, ta đã truyền dạy lại cho các nam và nữ tu sĩ, nam và nữ cư sĩ, để đời sống thánh thiện này được trở nên hùng mạnh, huy hoàng, quảng bá sâu rộng cho chư thiên và loài người". (Tương Ưng, 12.65)

Con đường giải thoát:

Này Subhada, nếu giáo pháp nào mà không hàm chứa Bát Chính Đạo thì giáo pháp đó không đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ nhất (Dự lưu, Tu đà hoàn), không đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ hai (Nhất lai, Tư đà hàm), không đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ ba (Bất lai, A na hàm), không đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ tư (Vô sinh, A la hán).

Này Subhada, nếu giáo pháp nào có hàm chứa Bát Chính Đạo thì giáo pháp đó sẽ đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ nhất (Dự lưu, Tu đà hoàn), sẽ đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ hai (Nhất lai, Tư đà hàm), sẽ đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ ba (Bất lai, A na hàm), sẽ đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ tư (Vô sinh, A la hán).

Này Subhada, giáo pháp của Ta có hàm chứa Bát Chính Đạo nên giáo pháp đó đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ nhất (Dự lưu, Tu đà hoàn), đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ hai (Nhất lai, Tư đà hàm), đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ ba (Bất lai, A na hàm), đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thứ tư (Vô sinh, A la hán).

Các hệ giáo pháp khác đều không đào tạo các vị sa môn đạt đạo quả thánh, đặc tuệ giải thoát. Này Subhada, khi nào các vị sa môn tu tập và truyền giảng Chính Pháp một cách đúng đắn thì thế giới này sẽ không bao giờ trống vắng các bậc A la hán giải thoát. (Đại kinh Bát Niết bàn, Trường Bộ, 16)

Việt dịch: **Binh Anson**

Nguồn: Budsas.net

Bài này dựa theo bản dịch Anh ngữ của Tỳ Kheo Thanissaro, đăng trong trang nhà Access-to-Insight, <http://www.accesstoinsight.org> , và các bản dịch Việt ngữ của Hòa Thượng Thích Minh Châu (Đại Tạng Kinh Việt Nam).